

I. Vocabulary - Từ vựng Unit 19 SGK Tiếng Anh lớp 4 What animal do you want to see?

Từ mới	Phiên âm/ Phân loại	Định nghĩa/ Ví dụ
 1. animal	(n) ['æniməl]	loài vật, động vật Ex: They like the animal. Họ thích động vật.
 2. bear	(n) [bea]	gấu Ex: The bear is climbing the tree. Con gấu đang trèo lên cây.
 3. beautiful	(adj) ['bju:təfəl]	đẹp, dễ thương Ex: A little girl is beautiful. Cô gái nhỏ dễ thương.
 4. crocodile	(n) ['krɒkədail]	con cá sấu Ex: That is a crocodile. Đó là cá sấu.
 5. dangerous	(adj) ['deɪndʒərəs]	nguy hiểm Ex: I don't like tigers because they are dangerous. Tôi không thích những con hổ bởi vì chúng rất nguy hiểm.
 6. elephant	(n) ['elɪfənt]	con voi Ex: My friend likes the elephant. Bạn của tôi thích voi.



7. enormous	(adj) [i'no:mas]	to lớn Ex: Elephants are enormous. Những con voi thì to lớn.
8. fast	(adj) [fast]	nhanh Ex: Rabbits run very fast. Những con thỏ chạy rất nhanh.
9. friendly	(adj) ['frendli]	thân thiện, thân thiết Ex: He is friendly. Anh ấy thân thiện.
10. funny	(adj) ['fʌni]	buồn cười, vui nhộn Ex: I like monkeys because they're funny. Tôi thích khỉ vì chúng vui nhộn.
11. kangaroo	(n) [kæŋgə'ru:]	con chuột túi Ex: Trang likes kangaroos because they are fast. Trang thích những con kangaroo vì chúng thì nhanh.
12. monkey	(n) [mʌŋki]	con khỉ Ex: There are some monkeys on the tree. Có một vài con khỉ trên cây.
13. scary	(adj) ['skeəri]	làm sợ hãi, rùng rợn Ex: I don't like crocodiles because they are scary. Tôi không thích những con cá sấu bởi vì chúng làm sợ hãi.





14. **tiger**

(n) ['taigə]

con hổ, con cọp
Ex: My brother doesn't like the tigers. Anh trai của tôi không thích hổ.



15. **want**

(v) [wɒnt]

muốn
Ex: She wants some water. Cô ấy muốn một ít nước.



16. **wonderful**

(adj) ['wʌndəfʊl]

tuyệt vời
Ex: You're a wonderful teacher. Cô là cô giáo tuyệt vời.



17. **zebra**

(n) ['zi:brə]

ngựa vằn
Ex: They're zebras. Chúng là những con ngựa vằn.



18. **zoo**

(n) [zu:]

sở thú
Ex: Mr Linh takes us to the zoo. Ông Linh dẫn chúng tôi đi sở thú.



19. **giraffe**

(n) [dʒi'ra:f]

hươu cao cổ
Ex: This is a giraffe. Đây là hươu cao cổ.



20. **stand**

(v) [staend]

đứng
Ex: Stand up, please! Làm ơn, đứng lên!



21. **move**

(v) [mu:v]

di chuyển, nhấc, làm lay động
Ex: He can't move his arm. Anh ấy không thể nhấc cánh tay lên.



22. around	(adv) [ə'raund]	xung quanh, vòng quanh Ex: I travel around. Tôi du lịch vòng quanh.
23. swing	(v) [swig]	nhún nhảy Ex: Monkeys are swinging on the tree. Những chú khỉ đang nhún nhảy trên cây.
24. Climb	(V) [klaim]	leo trèo Ex: The cat is climbing the wall. Con mèo đang treo lên tường.
25. circus	(n) ['sə:kəs]	rạp xiếc Ex: There are lots of animals in the circus. Có nhiều động vật trong rạp xiếc.
26. in front of	(pre)	ở trước Ex: My house is in front of the school. Nhà của tôi ở trước trường.
27. behind	(pre) [bi'haind]	đằng sau Ex: The ball is behind the wall. Quả bóng đằng sau bức tường.



II. Grammar - Ngữ pháp Unit 19 SGK Tiếng Anh lớp 4 What animal do you want to see?

1. Hỏi đáp ai đó muốn xem động vật nào

Chủ ngữ trong câu là you/ they thì ta mượn trợ động từ “do” để chia. Hỏi:

What animal do you want to see?

Bạn muốn xem động vật nào?

I want to see + động vật (ở dạng số nhiều).

Tôi muốn xem...

Còn chủ ngữ trong câu là he/ she thì ta mượn trợ động từ “does” để chia.

Hỏi:

What animal does she want to see?

Cô ấy muốn xem động vật nào?

She wants to see + động vật (ở dạng số nhiều).

Cô ấy muốn xem...

Ex: What animal do you want to see?

Bạn muốn xem động vật nào?

I want to see tigers. Tôi muốn xem những con hổ.

What animal does he want to see?

Cậu ấy muốn xem động vật nào?

He wants to see elephants. Cậu ấy muốn xem những con voi.

2. Hỏi và đáp về ai đó thích loài vật nào

Chủ ngữ trong câu là you/ they thì ta mượn trợ động từ “do” để chia. Hỏi:

What animal do you like?

Bạn thích động vật nào?

Đáp:

a) Thích động vật nào đó:

I like + động vật (dạng số nhiều). Tôi thích...

I don't like + động vật (dạng số nhiều). Tôi không thích...

câu là he/ she thì ta mượn trợ động từ “does” để chia. Hỏi:

What animal does she like?

Thích động vật nào đó:

She likes + động vật (ở dạng số nhiều).

Cô ấy thích...

b) Còn không thích động vật nào đó:

She doesn't like + động vật (ở dạng số nhiều).

Cô ấy không thích...

Hỏi ai đó thích con vật nào đó không (câu hỏi có/ không), nếu chủ ngữ trong câu là you/ they thì ta mượn trợ động từ “do” để chuyển ra đầu câu, cuối câu thêm dấu chấm hỏi (?).

Hỏi:

Do you like + động vật (ở dạng số nhiều)?

Bạn thích... không?

Đáp: a) Thích động vật nào đó:

Yes, I do. Vâng, tôi thích.

b) Còn không thích động vật nào đó:

No, I don't. Không, tôi không thích.

3. Hỏi và đáp lý do về sở thích một loài vật nào đó

Chủ ngữ trong câu là you/ they thì ta mượn trợ động từ “do” để chia. Hỏi:

Why do you like + động vật (ở dạng số nhiều)?

Tại sao bạn thích...?

Còn chủ ngữ trong câu là he/ she thì ta mượn trợ động từ “does” để chia. Hỏi:

Why does he/ she like + động vật (ở dạng số nhiều)?

Đáp: Because + they/ she/ he+ are/ is+ ...

Ex: (1) Why do you like monkeys? Tại sao bạn thích khỉ?

Because they're funny. Bởi vì chúng vui nhộn.

Because they can swing. Bởi vì chúng có thể nhún nhảy.

(2) Why does Khang like bears? Tại sao Khang thích gấu?

Because they're beautiful. Bởi vì chúng đẹp.

Because they can climb. Bởi vì chúng có thể leo trèo.

III. Bài tập từ vựng - ngữ pháp unit 19 lớp 4 What animal do you want to see?

1. Complete the word.

1. li _ n
2. z _ b r a
3. t _ g e r
4. m _ n k e y
5. b e a _
6. c r _ c _ d i l e
7. e _ e p h _ n t
8. g _ r a f f e

2. Rearrange the words.

1. like/ panda/ Do/ you/ ?

2. to/ crocodiles/ I / see/ want/ ./

3. zebras/ Why/ like/ you/ do/ ?

4. does/ What/ Hung/ to/ animal/ see/ want/ ?

5. funny/ are/ Because/ they/ ./

3. Read and complete.

Peter: Mum, look at that (1) _____ !

Mum: Oh, it's huge. I like tigers.

Peter: But I don't (2) _____ tigers.

Mum: Why not?

Peter: (3) _____ they're scary.

Mum: (4) _____ animal do you like?

Peter: I like monkeys. They're little, but (5) _____ can do a lot of funny things.



4. Read and circle.



Linda and Tom like going to the zoo. There are different animals at the zoo. Linda likes monkeys very much. They can swing and do a lot of funny things. They like eating fruit. Tom does not like monkeys. He likes bears. They are big and strong. They like eating fish and honey. Some of them can cycle and play with balls. What about you? What animal do you like?

1. Linda and Tom like going to the _____.
 - a. park
 - b. cinema
 - c. zoo
2. At the zoo, Linda wants to see _____.
 - a. bears
 - b. monkeys
 - c. tigers
3. Linda likes monkeys because they can _____.
 - a. swing and do funny things
 - b. swing and dance
 - c. sing and cycle
4. Tom wants to see _____ at the zoo.
 - a. elephants
 - b. monkeys
 - c. bears

5. Tom likes bears because they are _____.

a. big and funny

b. big and strong

c. strong and fast

5. Write about yourself.

What animal(s) do you like? Why?
